

| | | | | | | | | |
|------------|--|----|---|----|----|----|----|---|
| 8408.10.10 | - - Có công suất không quá 22,38 kW (30 CV) | 30 | I | 20 | 20 | 15 | 10 | 5 |
| 8408.10.20 | - - Có công suất trên 22,38 kW (30 CV) nhưng không quá 40 kW | 0 | I | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8408.10.30 | - - Có công suất trên 40 kW nhưng không quá 100 kW | 0 | I | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8408.10.40 | - - Có công suất trên 100 kW nhưng không quá 750 kW | 0 | I | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8408.10.90 | - - Có công suất trên 750 kW | 0 | I | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8408.20 | - Động cơ đẩy dùng cho xe thuộc Chương 87: | | | | | | | |
| | - - Có công suất không quá 20 kW | | | | | | | |
| 8408.20.11 | - - - Dùng cho nhóm 8701 | 40 | I | 20 | 20 | 15 | 10 | 5 |
| 8408.20.19 | - - - Loại khác | 30 | I | 15 | 15 | 15 | 10 | 5 |
| | - - Có công suất trên 20 kW nhưng không quá 22,38 kW | | | | | | | |
| 8408.20.21 | - - - Dùng cho nhóm 8701 | 30 | I | 20 | 20 | 15 | 10 | 5 |
| 8408.20.29 | - - - Loại khác | 30 | I | 15 | 15 | 15 | 10 | 5 |
| | - - Có công suất trên 22,38 kW nhưng không quá 60 kW | | | | | | | |
| 8408.20.31 | - - - Dùng cho nhóm 8701 | 30 | I | 20 | 20 | 15 | 10 | 5 |
| 8408.20.39 | - - - Loại khác | 30 | I | 15 | 15 | 15 | 10 | 5 |
| | - - Loại khác | | | | | | | |
| 8408.20.91 | - - - Dùng cho nhóm 8701 | 5 | I | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 8408.20.99 | - - - Loại khác | 30 | I | 15 | 15 | 15 | 10 | 5 |
| 8408.90 | - Động cơ khác: | | | | | | | |
| 8408.90.10 | - - Có công suất không quá 18,65 kW | 40 | T | 20 | 20 | 15 | 10 | 5 |
| 8408.90.20 | - - Có công suất trên 18,65 kW nhưng không quá 22,38 kW | 30 | T | 20 | 20 | 15 | 10 | 5 |
| 8408.90.30 | - - Có công suất trên 22,38 kW nhưng không quá 60 kW | 30 | I | 20 | 20 | 15 | 10 | 5 |
| 8408.90.40 | - - Có công suất trên 60 kW nhưng không quá 100 kW | 5 | I | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 8408.90.50 | - - Có công suất trên 100 kW | 5 | I | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 54/2002/
NĐ-CP ngày 13/5/2002 về việc
thành lập xã thuộc các huyện
Chư Prông, Ayun Pa và chuyển
xã Ia Kênh thuộc huyện Ia Grai
về thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Gia Lai và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức -
Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng
12 năm 2001;

Điều 1. Nay điều chỉnh địa giới hành chính để
thành lập xã thuộc các huyện Chư Prông, Ayun
Pa và chuyển xã Ia Kênh thuộc huyện Ia Grai về
thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai như sau:

1. Thành lập xã Ia Ga thuộc huyện Chư Prông trên cơ sở 5.464 ha diện tích tự nhiên và 1.042 nhân khẩu của xã Ia Pia; 6.813 ha diện tích tự nhiên và 1.058 nhân khẩu của xã Ia Lâu.

Xã Ia Ga có 12.277 ha diện tích tự nhiên và 2.100 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Ia Ga: Đông giáp xã Ia Vê; Tây giáp xã Ia Mơ; Nam giáp xã Ia Lâu; Bắc giáp các xã Ia Pia và Ia Me.

2. Thành lập xã Ia Pior thuộc huyện Chư Prông trên cơ sở 9.629 ha diện tích tự nhiên và 3.908 nhân khẩu của xã Ia Lâu.

Địa giới hành chính xã Ia Pior: Đông giáp huyện Chư Sê; Tây giáp xã Ia Mơ; Nam giáp tỉnh Đắk Lắk; Bắc giáp xã Ia Lâu.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập các xã Ia Ga và xã Ia Pior:

- Xã Ia Pia còn lại 4.492 ha diện tích tự nhiên và 3.599 nhân khẩu.

- Xã Ia Lâu còn lại 11.718 ha diện tích tự nhiên và 4.223 nhân khẩu.

3. Thành lập xã Ia Drang thuộc huyện Chư Prông trên cơ sở 1.421 ha diện tích tự nhiên và 1.486 nhân khẩu của xã Thăng Hưng; 1.931 ha diện tích tự nhiên và 1.039 nhân khẩu của xã Bình Giáo; 753 ha diện tích tự nhiên và 3.056 nhân khẩu của xã Ia Boòng.

Xã Ia Drang có 4.105 ha diện tích tự nhiên và 5.581 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Ia Drang: Đông giáp xã Ia Phìn và thị trấn Chư Prông; Tây giáp xã Ia O và huyện Đức Cơ; Nam giáp xã Ia Boòng; Bắc giáp các xã Bình Giáo, Thăng Hưng.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã Ia Drang:

- Xã Thăng Hưng còn lại 3.800 ha diện tích tự nhiên và 4.813 nhân khẩu.

- Xã Bình Giáo còn lại 4.294,6 ha diện tích tự nhiên và 4.581 nhân khẩu.

- Xã Ia Boòng còn lại 5.184 ha diện tích tự nhiên và 4.183 nhân khẩu.

4. Thành lập xã Ia Peng thuộc huyện Ayun Pa trên cơ sở 1.800 ha diện tích tự nhiên và 2.982 nhân khẩu của xã Ia Piar.

Địa giới hành chính xã Ia Peng: Đông giáp xã Ia Yeng; Tây giáp xã Ia Piar; Nam giáp xã Ia Hiao; Bắc giáp xã Ia Piar.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã Ia Peng, xã Ia Piar còn lại 9.507 ha diện tích tự nhiên và 4.510 nhân khẩu.

5. Thành lập xã Ia Ke thuộc huyện Ayun Pa trên cơ sở 5.928 ha diện tích tự nhiên và 8.579 nhân khẩu của xã Chư A Thai.

Địa giới hành chính xã Ia Ke: Đông giáp xã Ia Sol và thị trấn Phú Thiện; Tây giáp xã HBông và huyện Chư Sê; Nam giáp xã Ia Sol; Bắc giáp xã Chư A Thai.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã Ia Ke, xã Chư A Thai còn lại 7.431 ha diện tích tự nhiên và 2.236 nhân khẩu.

6. Chuyển xã Ia Kênh thuộc huyện Ia Grai về thành phố Pleiku quản lý.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI